

Thủ Đô Sài Gòn



Bản đồ Sài Gòn trước 1975

Từ năm 1949, Sài Gòn đã là thủ đô của Quốc gia Việt Nam.

- Theo phần "Lịch sử" của Sài Gòn, trong bách khoa toàn thư trực tuyến vi.wikipedia.org với tiêu đề "Thủ đô Sài Gòn".

Lịch sử

...

Từ năm 1949, Sài Gòn đã là thủ đô của Quốc gia Việt Nam. Đến năm 1954, Việt Nam Cộng hòa được thành lập, Sài Gòn trở thành thủ đô và cũng là thành phố lớn nhất của quốc gia non trẻ này với tên gọi "Đô thành Saigon" (lưu ý, cách viết thông dụng là "Saigon"). Cũng năm 1954, thành phố tiếp nhận một lượng dân cư mới từ miền Bắc Việt Nam. Với nghị định số 110-NV ngày 27 tháng 3 năm 1959 của Tổng thống Ngô Đình Diệm, từ 6 quận, Sài Gòn được chia thành 8 quận với tổng cộng 41 phường.



Toà Đô Chánh Sài Gòn

Nhờ sự phát triển của kinh tế Việt Nam Cộng hòa và viện trợ của Chính phủ Hoa Kỳ, Sài Gòn trở thành một thành phố hoa lệ với mệnh danh "Hòn ngọc Viễn Đông". Việc Quân đội Hoa Kỳ vào tham chiến tại miền Nam cũng gây nên những xáo trộn đối với thành phố. Nhiều cao ốc, công trình quân sự mọc lên. Lối sống của giới trẻ Sài Gòn cũng chịu ảnh hưởng bởi văn hóa Âu Mỹ. Thành phố trở thành một trung tâm về chính trị, kinh tế, văn hóa, giải trí.

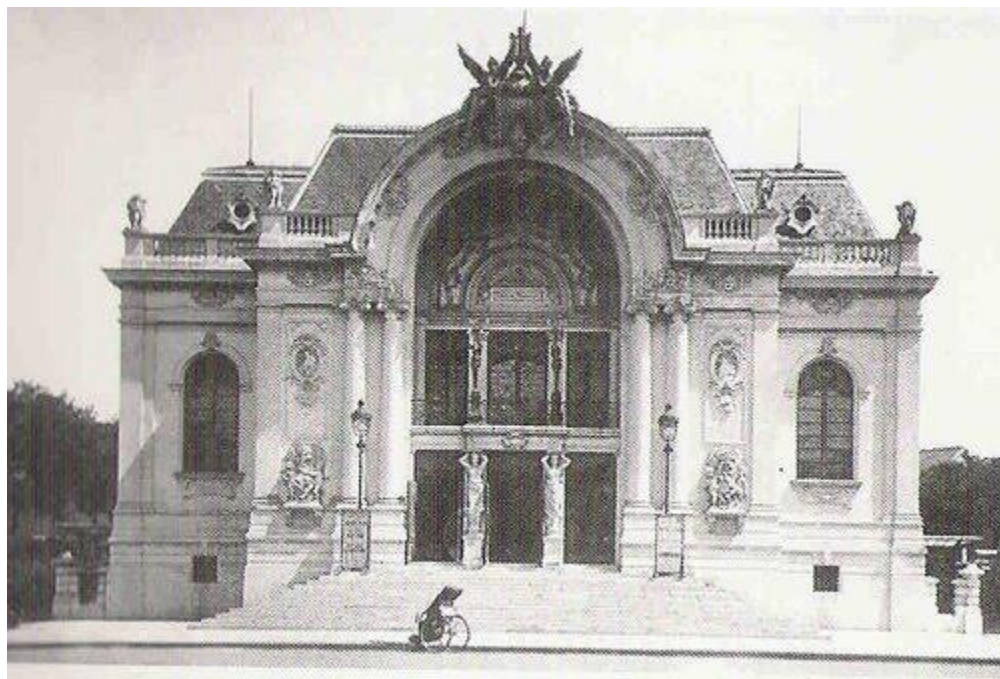


Dinh Độc Lập 1955 (Independence Palace)

Nhưng tới những năm cuối của cuộc Chiến tranh Việt Nam, nền kinh tế miền Nam đi xuống, nạn lạm phát trở nên nghiêm trọng. Hệ lụy và hậu quả trực tiếp của cuộc chiến gây ảnh hưởng xấu tới đô thị Sài Gòn. Sự kiện 30 tháng 4 năm 1975 đã khiến nhiều người dân Sài Gòn rời bỏ thành phố ra nước ngoài định cư. Cũng trong thời gian này, ước tính 700.000 người khác được "vận động" đi "kinh tế mới"; nền văn hóa có ảnh hưởng phương Tây bị lu mờ gần như hoàn toàn.



Chợ Bến Thành



Nhà Hát Tây (Opéra) sau trở thành Trụ Sở Quốc Hội VNCH

Mời bạn xem thêm những nguồn sau đây có hình ảnh và tài liệu khác nhau về thành phố Sài Gòn, đáng được xem qua:

<http://vi.wikipedia.org>

<http://en.wikipedia.org>

<http://fr.wikipedia.org>

SÀI GÒN LUÔN LUÔN LÀ THỦ ĐÔ

CỦA NƯỚC VIỆT KHÔNG CỘNG SẢN, VÀ CỦA NGƯỜI VIỆT TỰ DO TIẾN BỘ TRÊN THẾ GIỚI

Nguyễn Thanh Liêm

Từ đầu thế kỷ thứ XVII khi ông cha chúng ta từ Ngũ Quảng bắt đầu vào Nam khai phá vùng đất hoang vu ở Đồng Nai để mở màn cho công cuộc bành trướng quy mô về phương Nam của dân tộc Việt thì danh xưng Sài Gòn đã hiện hữu trong ngôn ngữ của người lưu dân từ thuở đó. Nguồn gốc của hai chữ này như thế nào thì cho đến giờ phút này chúng ta vẫn chưa có được giải đáp chắc chắn, chúng ta chỉ biết có những giả thuyết khác nhau về hai tiếng Sài Gòn như giả thuyết của các ông Aubaret và Garnier (người Pháp), của Petrus Trương Vĩnh Ký, của Vương Hồng Sển, v.v . . . nhưng tất cả các giả thuyết đó đều chưa đủ xác tính để thuyết phục được các học giả trong công cuộc điều tra về nguồn gốc của địa danh đặc biệt này. Tuy nhiên điều chắc chắn là hai chữ viết (theo lối chữ tượng hình của Tàu), phát âm theo tiếng Hán Việt là “Sài Côn” hay phát âm theo tiếng Nôm là “Sài Gòn”, thì đã xuất hiện trong các tác phẩm khá xưa của Lê Quý Đôn (Phủ Biện Tập Lục) và Trịnh Hoài Đức (Gia Định Thành Thông Chí). Hai ông đều có dùng chữ Sài Gòn để chỉ danh vùng Sài Gòn Gia Định bây giờ. Điều này cũng nói được rằng danh xưng Sài Gòn đã có từ lâu, ngay từ thuở ông cha ta mới vào định cư sinh sống ở vùng đất Đồng Nai này. Nếu kể từ ngày công nương Ngọc Vạn về làm hoàng hậu xứ Cao Miên, mang theo cả một đoàn người Việt vào vùng đất mới hồi năm 1621, hoặc kể từ ngày Chúa Nguyễn đặt các đồn binh thu thuế ở Prei Nokor và Kas Krobei hồi năm 1623 thì Sài Gòn đã có trong lòng người dân Việt đã gần bốn trăm năm. Sau này người ta thường lấy năm Nguyễn Hữu Cảnh vào Nam thiết lập nền hành chánh đầu tiên ở xứ Đồng Nai hồi 1698 để làm năm chính thức ra đời của thành phố Sài Gòn, xem như Thủ Đô của cả Trấn Biên (tức Biên Hòa) và Phiên Trấn (tức Gia Định). Nhưng danh xưng Sài Gòn chắc chắn đã có trước đó khá lâu.

Danh xưng Sài Gòn đã ăn sâu vào lòng người dân Việt ở Phương Nam từ thuở xa xôi đó, và từ đó, từ thiên bản thế kỷ XVII đến giờ, thành phố mỗi ngày một phát triển thêm, tiến bộ theo đà tiến triển chung của nhân loại, trở thành hòn ngọc Viễn Đông vào thế kỷ XX, hiểu theo nghĩa một thành phố quốc tế vừa đẹp đẽ vừa có giá trị của một hải

cảng quan trọng mà cả thế giới đều biết và đều nhớ danh xưng quen thuộc của nó. Thời Đệ Nhất và Đệ Nhị Cộng Hòa, Sài Gòn là Thủ Đô của Miền Nam Tự Do, đối đầu với Hà Nội, Thủ Đô của Cộng Sản Bắc Việt. Nói đến Sài Gòn là nói đến chế độ chính trị tự do, đa nguyên, đa đảng chống lại chế độ độc đảng, độc tài của Cộng Sản. Nói đến Sài Gòn là nói đến nền văn minh tân tiến, nói đến xã hội rộng mở, đa dạng, khai phóng, hòa mình với thế giới tự do, khác hẳn xã hội đóng kín, sau hàng rào sắt theo kiểu các nước Nga – Tàu. Nói đến Sài Gòn là nói đến nền giáo dục khoa học, nhân bản, khai phóng, hiện đại, khác hẳn nền giáo dục uốn nắn, nhồi so, tụt hậu, theo tư tưởng Mác Lê, phát triển một chiều, chỉ cốt đào tạo những cán bộ trung kiên của chủ nghĩa. Nói đến Sài Gòn là nói đến nền văn hóa nhân bản, trong đó người nghệ sĩ hay những sáng tác gia thơ, nhạc, tiểu thuyết, cải lương đều có tự do để khai sinh những tác phẩm yêu thương của mình, thai nghén theo khuynh hướng nghệ thuật riêng tư của mình, chớ không bị gò bó, bắt buộc phải chỉ sáng tác để ca ngợi đảng, nhà nước và những lãnh tụ cộng sản như Bác Hồ, Bác Mao, hay ông Lê Ninh và ông Stalin bằng thứ nghệ thuật thẩm mỹ ấn định bởi xã hội chủ nghĩa Bắc Việt. Nói đến Sài Gòn là nói đến đời sống dễ dãi, thoải mái của đại đa số người dân, chớ không phải đời sống khốn khổ bị dòm ngó theo dõi từng ly từng tí, ăn con gà cũng phải xin phép của người dân Hà Nội. Tóm lại, Sài Gòn với căn cước quốc gia, cờ vàng ba sọc đỏ là biểu tượng của dân chủ tự do, nhân bản, khai phóng, hiện đại, tân tiến. Hà Nội với căn cước cộng sản, cờ đỏ sao vàng là biểu tượng của độc tài, đóng kín, kiểm kẹp, tụt hậu. Nói chung, nếu so sánh văn hóa tự do, nhân bản, mở rộng của Sài Gòn với văn hóa xã hội chủ nghĩa khép kín của Hà Nội, người ta thấy văn hóa Sài Gòn vượt hẳn văn hóa Hà Nội về tất cả mọi mặt vào thời điểm 1975.

Nhưng các lãnh tụ ở Hà Nội đã dùng mọi cách để phủ nhận hay che dấu sự thật phũ phàng đó. Họ phải tự ép họ phải tin rằng chỉ có cộng sản là đúng, là tốt đẹp, là có thể đưa nhân loại đến hạnh phúc thật sự, còn tư bản tự do là sai, là xấu xa, chỉ có thể đưa con người vào địa ngục trần gian. Họ chỉ được thấy và chỉ được nghĩ tới xã hội cộng sản và cách mạng vô sản Nga, Tàu, lấy đó làm mẫu mực, cho rằng Nga, Tàu là tốt đỉnh văn minh nhân loại, còn văn minh Mỹ và các nước tự do Tây phương là thứ văn minh đồi trụy, sa đọa, mục nát, tội lỗi, đầy dẫy những tệ đoan, chỉ chờ ngày sụp đổ và phải bị đánh ngã sớm chừng nào tốt chừng nấy. Họ bắt cán bộ của họ phải học tập, thấm nhuần tư tưởng rằng Miền Bắc là ưu việt, Cộng Sản Hà Nội là số một, rằng Miền Nam nghèo khổ, tụt hậu, chậm tiến, phải chịu sự thống trị ác nghiệt của bọn tư bản xâm lăng Pháp, Mỹ. Bóp méo sự thật, nói láo để tuyên truyền, bôi đen xã hội văn hóa Miền Nam, ca ngợi, đề cao sống sượng văn hóa cộng sản Bắc Việt, đó là chính sách hàng đầu của các lãnh tụ Cộng Sản Hà Nội song song với việc chuẩn bị đánh chiếm Miền Nam bằng vũ lực. Nhiều huyền thoại được các lãnh tụ cộng sản Hà Nội dựng lên để đề cao các anh hùng cộng sản Việt Nam cũng như các bậc đàn anh Nga, Tàu. Bác Hồ, bác Mao lúc nào cũng vĩ đại. Tội nghiệp cho một số người Nam tập kết ra Bắc tưởng là bà con của họ ở Miền Nam thật sự nghèo khổ lắm, đói khát đáng thương nên dù họ nghèo xơ nghèo xác cũng rần rề dành cái chén, đôi đũa tòi tàn để ngày trở về quê viện trợ cho thân nhân. Tội nghiệp cho các cán binh cộng sản trên đường vào xâm chiếm Miền Nam cứ nghĩ rằng họ đã được sống trong thiên đàng xã hội chủ nghĩa và giờ đây họ phải đi giải phóng Miền Nam vì Miền Nam đang nghèo đói khổ sở trong địa ngục trần gian của Mỹ-Ngụy.

Nhưng rồi sự thật cũng phải phơi bày khi quân Cộng Sản tiến vào được Sài Gòn. Cán bộ Cộng Sản các cấp phải chóa mắt trước cảnh rực rỡ huy hoàng của xã hội Miền Nam: giàu hơn Hà Nội nhiều quá, tiến bộ, hiện đại hơn Hà Nội nhiều quá, có quá nhiều những tiện nghi tân tiến mà Hà Nội không có hay cũng chưa hề biết. Đối với những cán bộ cao cấp còn vậy huống hồ gì đối với những cán binh cộng sản chỉ biết có núi rừng và đời sống cam khổ trong các mật khu. Cái gì ở Sài Gòn cũng làm cho anh cán binh cộng sản thèm thuồng muốn có, vì trong đời anh, anh chưa hề được thấy hay được có nó bao giờ. Những người đi tập kết ra Bắc khi trở về Sài Gòn lại càng sáng mắt ra khi họ biết được sự thật, khi họ thấy rõ sự giàu có, thịnh vượng của bà con thân nhân họ nơi quê nhà. Đồng hồ, bút máy, đồ trang sức, quần áo đủ kiểu, đủ loại, tiệm ăn, quán cà phê, rạp hát, xe cộ, radio, vô tuyến truyền hình, tủ lạnh, máy giặt, phố xá, villa, nhà cửa sang trọng vô cùng, tất cả từng ấy thứ đầy dẫy ở Sài Gòn. Hà Nội không được một mảy may nào của Sài Gòn. Đó là cái hiển nhiên, rất rõ ràng về vật chất. Cái khó thấy hơn là dân trí, là ý thức, là sự hiểu biết của người dân, là tín ngưỡng và tư tưởng của họ ở đằng sau bề mặt văn minh vật chất đó. Cái đó thuộc lãnh vực tinh thần nhiều hơn, thuộc về văn hóa, hay văn minh tinh thần, rất khó đánh giá hay đo lường một cách vô tư công bằng bằng những cái nhìn nông cạn. Lẽ dĩ nhiên là người Cộng Sản phải phủ nhận giá trị văn hóa của Miền Nam, phải đánh giá thật thấp trình độ văn hóa Sài Gòn, để đề cao, ca tụng tính ưu việt của văn hóa Miền Bắc, hay văn hóa cộng sản Hà Nội.. Và điều này rất dễ làm (lên tiếng phủ nhận, lên tiếng nhận định, phán xét), dễ nói, vì chẳng có gì chứng minh được trong lúc đó. Nó chỉ được chứng minh dần dần theo thời gian, với những hậu quả xã hội mà việc làm của người cộng sản đã thể hiện trong nhiều địa hạt. Dần dần người ta thấy rõ hơn sự kém cỏi của cộng sản Hà Nội trong nhiều lãnh vực hết sức quan trọng như kinh tế, quản trị, giáo dục, y tế, công chánh, v.v. . . Kinh tế lụn bại, kiệt quệ hẳn trong những năm vừa chiến thắng của cộng sản Hà Nội, khiến họ phải nhận thấy sự sai lầm và đành phải chấp nhận đổi mới dù phải cố vớt vát bằng những chữ gượng gạo như “định hướng xã hội chủ nghĩa”. Cách thức quản trị độc tài, không khoa học, lại thiếu hẳn chuyên viên, của cộng sản làm cho công việc ở các cơ quan công quyền cũng như các công ty quốc doanh trở nên vô cùng lúng túng, vô hiệu năng. Ở địa hạt y tế tình trạng thật là thê thảm: thuốc men không có, bác sĩ có đủ khả năng chuyên môn thiếu thốn trầm trọng, phương tiện dụng cụ cũng không có gì cả, người ta phải quay qua các loại thuốc Nam, thuốc Bắc, châm cứu, và các lối trị bệnh khác. Về giáo dục tất cả đều suy sụp từ trường sở đến sách giáo khoa, chương trình học, thi cử, giáo chức có đủ khả năng chuyên môn, không có gì còn giá trị nữa. Cả xã hội văn minh, tân tiến của Miền Nam tự do bị sụp đổ, phải đi giật lùi lại hàng nửa thế kỷ, trở lại tình trạng kém mở mang hồi các thập niên đầu của thế kỷ XX. Vậy thì cái ưu việt của văn hóa xã hội cộng sản Bắc Việt mà các lãnh tụ đảng hết lòng ca ngợi đó nó nằm ở chỗ nào? Dân chúng cũng như đa số cán bộ cộng sản bắt đầu thấy rõ dần sự rỗng tuếch trong tính cách ưu việt của Miền Bắc mà đảng thường rêu rao. Các lãnh tụ cộng sản không thể không nhìn thấy sự thật trớ trêu đó. Mặc dù họ đã tiên liệu trước và đã đưa ra những biện pháp để cốt làm cho sự tuyên truyền của họ trở thành sự thật họ muốn, nhưng những biện pháp đưa ra vẫn không che dấu được sự thật đúng thật. Những biện pháp của họ đề ra lại hết sức thiển cận, gây nhiều hậu quả tai hại cho đất nước, cho dân tộc, mà lịch sử sau này không thể nào không lên án được. Vừa chiến thắng, Cộng Sản Hà Nội cho thi hành ngay một số các biện pháp vô đạo đức, phi nhân bản, phản khoa học, phản dân tộc, độc ác không thua gì những biện

pháp tàn nhẫn của Stalin và Mao Trạch Đông ở các nước Nga, Tàu. Những biện pháp đó là:

Thứ nhất : Xóa bỏ chế độ tự do của Sài Gòn bằng cách bắt đi tù cải tạo tất cả quân, cán, chính Việt Nam Cộng Hòa. Làm thế nào tẩy não, bôi xóa hết tàn tích của chế độ tự do cũ trong đầu óc tù nhân. Gây ở họ ấn tượng NGUY QUÂN làm tay sai cho MỸ phản lại quyền lợi của dân tộc, gây ở họ mặc cảm tội lỗi là phản dân, phản nước. Không cho họ còn được quyền nghĩ rằng họ có chánh nghĩa, họ đã từng hy sinh chiến đấu cho tự do dân chủ, cho sự phồn thịnh, tiến bộ của Miền Nam, của chế độ nhân bản Việt Nam Cộng Hòa.

Thứ hai : Chờ hết tài sản của chánh phủ Sài Gòn về Hà Nội. Tất cả những máy móc từ máy IBM đến các máy computer khác, máy đánh chữ, máy tính, các loại máy móc về truyền tin, các dụng cụ trang bị văn phòng, kể cả bàn ghế, đều được chờ hết về Hà Nội để trang bị cho các cơ sở ngoài đó để cho thấy Hà Nội văn minh hơn Sài Gòn.

Thứ ba : Cướp hết tài sản của dân Sài Gòn. Từ cách đổi tiền nhiều lần đến các lượt đánh phá tư sản mại bản, chánh quyền cộng sản đã cướp hết tài sản của người dân Miền Nam. Lấy hết vàng của người dân để tống cổ họ ra nước ngoài. Bắt họ phải giao nhà cửa cho chánh quyền khi họ ra đi. Cốt để san bằng Sài Gòn, cho dân Sài Gòn trở thành vô sản, đói khổ, để cho thấy dân Hà Nội giàu có hơn dân Sài Gòn nhiều lắm.

Thứ tư : Xóa bỏ nền văn hóa Miền Nam mà Sài Gòn là biểu tượng bằng cách đổi tên thành phố Sài Gòn, đổi tên các trường trung học lớn, nổi tiếng ở Miền Nam như Petrus Ký, Gia Long, Phan Thanh Giản. Dẹp hết các cơ quan truyền thông, báo chí, xuất bản của tư nhân. Lấy tên Hồ Chí Minh thay vào tên Sài Gòn. Lấy tên Lê Hồng Phong thay cho Petrus Ký, và Nguyễn Thị Minh Khai thay cho Gia Long. [Chuyện tình tay ba giữa Hồ Chí Minh, Nguyễn Thị Minh Khai với Lê Hồng Phong đã được nhiều người phanh phui, không có gì tốt đẹp đáng để được người đời ca tụng, chỉ đáng được chê bai]. Đem Hồ Chí Minh (rất kém tư cách đạo đức lại là người đem nguy hại đến cho dân Việt Nam) vào chỗ Sài Gòn làm biểu tượng của nền văn hóa Miền Nam thì thật là một điều sỉ nhục cho dân miền này (chớ không phải là một danh dự như người Cộng Sản thường nói). Petrus Ký và Gia Long là hai trường trung học nổi tiếng xưa nay ở thủ đô Nam Kỳ Lục Tỉnh, nơi đào tạo không biết bao nhiêu trí thức cho Miền Nam, bây giờ cũng bị bỏ đi để thay vào bằng những cái tên cộng sản mà người Miền Nam cảm thấy hoàn toàn xa lạ. Petrus Ký là nhà bác học là người rất có công đối với nền văn học chữ Quốc Ngữ và nền văn hóa mới ở Miền Nam. Ông xứng đáng được đứng tên cho trường trung học lớn nhất và nổi tiếng nhất ở Miền này. Lê Hồng Phong chỉ là một cán bộ cộng sản, chẳng có một chút sự nghiệp gì về văn hóa đáng được đem vào trường trung học nổi tiếng của Miền Nam. Từ xưa tới giờ chưa có chánh phủ nào lựa chọn đặt tên thành phố, trường học, đường sá một cách bừa bãi, sống sượng, thiếu suy tư như chánh quyền cộng sản Hà Nội. Nước Việt Nam từ xưa xưa đến giờ có nhiều anh hùng có cả ông tổ bắt đầu dựng nước, vậy mà dân Việt Nam có bao giờ lấy tên họ đặt cho một thành phố lớn hay một thủ đô đâu. Có bao giờ ta đặt tên thành phố Hà Nội hay Thăng Long là thành phố Hùng Vương hay thành phố Trần Hưng Đạo, hoặc thành phố Quang Trung đâu. Địa danh là địa danh, ta không bắt chước cộng sản Nga lấy tên anh hùng cộng sản đặt tên cho một thành phố. Chỉ có Cộng Sản Hà Nội mới bắt chước một cách mù quáng cộng sản Nga xô đem tên Hồ Chí Minh thay vào tên Sài Gòn vốn đã được người dân Nam yêu thương gắn bó từ bao thế kỷ. Cũng trong chính sách xóa bỏ văn hóa Miền Nam đó, Cộng Sản Bắc Việt tìm mọi cách hạ bệ những trí thức, những kẻ sĩ,

những nhà văn hóa được người dân Miền Nam thương kính sùng bái, thờ phụng. Kết tội Phan Thanh Giản, kết tội Petrus Ký, bôi xóa tên các vua chúa nhà Nguyễn cùng các công thần trên các con đường thành phố. Tất cả tài sản văn hóa phong phú, đa dạng, nhân bản, khai phóng của Miền Nam bị thẳng tay tàn phá, hủy bỏ.

Thứ năm : Thay thế nền giáo dục nhân bản, khai phóng, hiện đại của Việt Nam Cộng Hòa bằng sự giáo dục nhồi sọ, gieo rắc hận thù, chậm tiến, không hiệu năng của chánh quyền Hà Nội. Đem cán bộ Cộng Sản tốt nghiệp từ các nước Cộng Sản Nga và Đông Âu, mà kiến thức chuyên môn rất yếu kém, thay thế các nhà trí thức, giáo sư có nhiều uy tín, học vấn uyên thâm của Miền Nam. Nhiều giáo sư giỏi, nhiều trí thức, học giả có tiếng của Miền Nam phải tìm mọi cách trốn ra khỏi Việt Nam. Chết xám thật sự của đất nước đã ra nước ngoài. Những người làm giáo dục sau 1975 chỉ là những người của đảng, có nhiều năm thâm niên với đảng hơn là có đủ kiến thức chuyên môn, tân tiến, để có thể tiếp nối công trình giáo dục nhân bản, khoa học và hiện đại của Miền Nam tự do. [Đó là lý do cho thấy tại sao giáo dục ở Việt Nam từ sau 1975 đã tụt hậu thê thảm trong mấy mươi năm qua, đến chỗ gần như không còn giá trị gì nữa với sự lạm phát quá mức các loại bằng cấp to với số người mệnh danh là Tiến Sĩ, Thạc Sĩ, của chế độ cộng sản Việt Nam hiện hữu.]

Thứ sáu : Tổ chức kiểm soát chặt chẽ đời sống của người dân. Xóa bỏ tự do ngôn luận, tự do tôn giáo, tự do đi lại, tự do làm ăn buôn bán. Quốc doanh hóa tất cả các xí nghiệp. Nhà nước Cộng Sản dành độc quyền kinh tế. Người dân chỉ biết phải làm việc, sản xuất theo lệnh chính phủ, và chỉ được quyền ăn, mặc những gì chính quyền ấn định hay cho phép.

Thứ bảy : Tiếp tục nói láo. Tiếp tục nói rằng Hà Nội rất văn minh, tân tiến, Hà Nội ưu việt, tất cả cái gì của Hà Nội cũng đều hơn hẳn Sài Gòn. Vì thế mới có bao nhiêu những mẫu chuyện để người dân Sài Gòn mặc sức chế diễu những tên “cán cố”, những kẻ dốt nát, láo khoét, cà chớn của đám thực dân mới do chế độ Hà Nội đưa vào. [Hà Nội thiếu gì cà lem, ăn không hết phải đem phơi khô. Refrigerator thiếu gì ở Hà Nội, nó chạy đầy đường. Phi cơ Nga Sô thì đậu trên không trung . . .]

Thứ tám : Chính sách dùng người hẹp hòi, bao che, chỉ dùng đảng viên trong các chức vụ điều hành, chỉ huy. (theo chủ trương hồng hơn chuyên). Dẹp bỏ Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Cho ra rìa những người theo Cộng Sản mà không có gốc đảng viên cộng sản. Đám 30, đám người cơ hội thừa nước đục thả câu được cho ra ngoài, ra khỏi chánh quyền, hoặc ở những chức vị ngồi chơi xơi nước. Chỉ dùng người của đảng dù là rất dốt về chuyên môn, với những bác sĩ, những kỹ sư, những ông tiến sĩ, rất kém khả năng chuyên môn, không có kiến thức gì cả trong ngành, thành ra tất cả các ngành đều đi đến chỗ vô cùng tồi tệ trong những năm liền sau khi Cộng Sản Hà Nội chiếm được Sài Gòn. Những năm cai trị của Lê Duẩn là những năm tồi tệ nhất cho người dân và xã hội Miền Nam, tồi tệ chưa từng thấy trong lịch sử của vùng này từ ngày thành hình cho đến 1975.

Thứ chín : Độc tài văn hóa. Ép buộc người dân Việt ở mọi nơi phải theo văn hóa Hà Nội, văn hóa Cộng Sản Bắc Việt. Dưới chiêu bài “thống nhất đất nước” người cộng sản muốn thống nhất tất cả dưới một hệ thống văn hóa duy nhất là văn hóa Hà Nội. Người Việt ở khắp mọi nơi, mọi miền đều phải nói một thứ tiếng, viết một thứ chữ, học một thứ tư tưởng, tin một thứ giáo điều. Tân Sơn Nhứt trở thành Tân Sơn Nhất, Võ Tánh thành Vũ Tánh, Ngô Tùng Châu phải đổi lại là Ngô Tông Chu. Nhiều danh từ mới, rất lạ lùng, ngược ngạo, được đem ra xử dụng ở mọi nơi. Không có tín ngưỡng, tôn giáo gì khác

hơn là Mác, Lê Nin. Không có Phật, không có Chúa, không có Cao Đài, không có Huỳnh Giáo Chủ. Chỉ có Hồ Chí Minh. Phải treo hình Hồ Chí Minh để thờ ở mọi nơi, trong đình, trong miếu. . . Không có tư tưởng gì khác hơn tư tưởng Hồ Chí Minh (mà thật sự chính ông Hồ lại nói ông ta chẳng có tư tưởng gì cả, ông ta chỉ áp dụng tư tưởng Mao Trạch Đông và Stalin thôi, và điều này rất đúng đối với Hồ Chí Minh cũng như các lãnh tụ khác của Cộng Sản Hà Nội). Phải viết báo, phải sáng tác theo đúng con đường đảng và nhà nước cộng sản vạch ra.

Thứ mười : Sửa đổi lịch sử, sửa đổi quan niệm về chiến tranh ở Việt Nam, biến Cộng Sản Bắc Việt thành anh hùng yêu nước đánh quy bọn xâm lăng Pháp, Mỹ, biến các chiến sĩ quốc gia thành những kẻ Ngụy đánh giặc mướn cho Pháp và cho Mỹ. Chỉ có Cộng Sản mới có chính nghĩa còn tất cả những người có tinh thần quốc gia khác đều là những kẻ Ngụy. Vùng của Cộng Sản chiếm được gọi là vùng tự do, vùng tự do của quốc gia thì bị gọi là vùng tạm chiếm. Chiến tranh Việt Nam phải được quan niệm theo Hà Nội là chiến tranh giữa Cộng Sản Bắc Việt (đại diện cho nhân dân Việt Nam) và Mỹ chứ không phải chiến tranh giữa người Việt Cộng Sản (mà Hà Nội là đại diện) và người Việt Quốc Gia mà đại diện là Sài Gòn theo quan niệm của người Việt Quốc Gia hay người Việt Tự Do. Theo quan niệm đó của Cộng Sản thì người Việt Quốc Gia và chánh quyền Việt Nam Cộng Hòa chỉ là công cụ của Mỹ. Lịch sử Việt Nam phải được viết lại theo đường hướng đó của Hà Nội dù có phải bóp méo sự thật.

Hậu quả là Miền Nam tự do, tân tiến, giàu có đã trở nên kiệt quệ, suy tàn, đổ nát, người dân khốn khổ trăm phần. Từ cảnh một thiên đàng bỗng tụt xuống trở thành địa ngục, thành ra ai ai cũng phải tìm mọi cách ra đi để thoát khỏi địa ngục trần gian của Cộng Sản. Thậm chí người ta còn nói “nếu cây cột đèn mà đi được thì nó cũng ra đi” để diễn tả tình trạng khốn khổ không còn cách gì chịu nổi của người dân Miền Nam khi cộng sản Hà Nội nắm quyền cai trị ở đây. Dù chết trên biển cả hay trong rừng sâu, dù nguy hiểm cách nào họ cũng phải cố vượt qua để ra khỏi cảnh địa ngục trần gian mà Cộng Sản Hà Nội đã mang đến cho họ dưới cái danh nghĩa thật đẹp là “Giải Phóng Miền Nam” và “Thống Nhất Đất Nước.” Hãy đừng quên 10 năm vô vàn khốn khổ của người dân Miền Nam sau ngày Cộng Sản cưỡng chiếm miền này để thấy rõ chủ trương xóa bỏ văn hóa và căn cước quốc gia của người Việt ở phương Nam của Cộng Sản Bắc Việt nó ác hại, tàn độc như thế nào. Hãy đừng quên những câu ca dao thật mỉa mai này:

“Nam Kỳ Khởi Nghĩa tiêu Công Lý,
Đồng Khởi vùng lên mất Tự Do.”

“Đã đảo Thiệu Kỳ mua gì cũng có,
Hoan hô Hồ Chí Minh mua cây đình cũng chẳng còn.”

“Đôi dép râu dầm nát đời trai trẻ
Mũ tai bèo che khuất ánh tương lai.”

Sau hơn một thập niên suy sụp đến tận cùng, và nhân cơ hội có những thay đổi lớn lao trong khối cộng sản, chánh quyền Hà Nội bắt đầu cho đổi mới. Nhưng sự đổi mới này không làm đổi mới được guồng máy cai trị chuyên chế, độc quyền, không đổi mới được

những cơ cấu căn bản trong triết lý và hành động của bộ máy chính quyền đủ để hiện đại hóa xã hội, tân tiến và phồn thịnh hóa quốc gia. Sự đổi mới chỉ có một kết quả là làm giàu thật nhanh và thật to cho những người cầm quyền cùng tay chân bộ hạ. Sự đổi mới chỉ mở đường cho những thâm lạm công quỹ, những kết nối tham nhũng to tát chưa từng thấy trong cơ quan công quyền Việt Nam từ xưa đến giờ. Cán bộ cộng sản, ở cấp lãnh đạo, làm giàu nhanh không thể tả, tài sản vĩ đại, trong khi đó người dân đến nghèo khổ không thể tưởng tượng được. Chưa bao giờ người dân Miền Nam phải gả bán con gái mình đến hàng mấy chục vạn người sang làm vợ đầy tớ cho người Đài Loan như hiện nay. Hãy đi về các vùng quê xa xôi nghèo khó, hãy đi vào các ngõ hẻm hang cùng, hãy đi thăm các bệnh viện công xem như nhà thương thí để thấy cảnh thế thảm của người dân. Hãy nhìn vào con số thống kê, để biết lợi tức hàng năm của người dân Việt so với người dân các nước khác trong vùng. Đối với đa số dân nghèo Miền Nam, đổi mới là đi thụt lùi thế thảm. Đổi mới chỉ có lợi cho một số ít người có quyền thế trong tay, làm cho họ trở nên giàu có không biên giới, nhưng đổi mới không thay đổi được hướng đi xuống dốc của xã hội, văn hóa, chính trị và nhất là giáo dục.

Nhưng rồi cũng có một số khá đông người Việt Quốc Gia, người dân Miền Nam không cộng sản, đến được bờ tự do. Họ biết họ là những người tỵ nạn cộng sản. Họ biết họ là người Quốc Gia, mang căn cước người Việt Quốc Gia không cộng sản, với cờ vàng ba sọc đỏ, thắm nhuần văn hóa nhân bản, hiện đại, khai phóng của Sài Gòn. Họ không chấp nhận chế độ độc tài, duy vật hẹp hòi của Cộng Sản. Họ tìm cách chống đối chánh quyền Hà Nội ở mọi nơi, ở bất cứ chỗ nào Hà Nội với tay tới. Họ rất thành công hoặc có con cháu rất thành công trong các xã hội tự do, dân chủ, tân tiến trên thế giới. Người Cộng Sản bây giờ đã thấy rõ, và đã phải nhìn nhận giá trị lớn lao (về vật chất lẫn tinh thần) của thành phần người Việt tỵ nạn này. Người Cộng Sản muốn ve vãn, muốn đem số người này về với chế độ. “Khúc ruột ngoài ngàn dặm” được xử dụng để chỉ danh đám người nguy trước kia và con cháu họ đã trốn khỏi chế độ cộng sản. Chiêu bài mới được tung ra để thay cho những chiêu bài cũ. Vấn đề hòa hợp, hòa giải được đẩy mạnh củng cố bằng nghị quyết 36 thay cho những khẩu hiệu “giải phóng Miền Nam” và “thống nhất đất nước”.

[Nghị Quyết số 36 do Phan Diễn, Ủy Viên Bộ Chính Trị, ký ngày 26 tháng 3, 2004 gồm bốn phần: (1) phần thứ nhất là phần nhận định về công tác Việt Kiều vận trong thời gian qua, (2) phần thứ hai đề ra phương hướng công tác trong thời gian tới, (3) phần thứ ba nêu những nhiệm vụ chủ yếu của công tác Việt Kiều vận, và (4) phần thứ tư đề cập đến các tổ chức/cơ quan lãnh nhiệm vụ thực hiện công tác này.

Mở đầu phần một, bằng nghị quyết cho thấy chính quyền Cộng Sản đã nhìn về tập thể người Việt ở hải ngoại với cái nhìn khá đặc biệt. Trước nhất đây là một tập thể thành công lớn lao về phương diện học thức, cũng như về kinh tế, so với tập thể người Việt trong nước. Tập thể này có một tiềm năng hết sức lớn lao trong việc phát triển xứ sở. Nếu có thể thu hút được số người này về phụng sự cho quê hương đất nước thì chính quyền Cộng Sản hiện hữu sẽ gặt hái được những thắng lợi to tát. Từ cái nhìn đặc biệt đó, nghị quyết viết: “Đảng và Nhà Nước luôn luôn coi cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài là một bộ phận không tách rời của cộng đồng dân tộc VN, đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách rộng mở và biện pháp cụ thể nhằm tạo điều kiện ngày càng thuận lợi hơn cho đồng bào về thăm đất nước, người thân, đầu tư, kinh doanh, hợp tác

khoa học – công nghệ, hoạt động văn hóa – nghệ thuật.” Để đạt được mục tiêu này các “công tác thông tin, văn hóa phục vụ cộng đồng từng bước được tăng cường, nhất là trong lãnh vực phát thanh, truyền hình và qua mạng internet.”]

Nhưng tập thể người Việt hải ngoại này mang “căn cước tinh thần” là người Việt Quốc Gia tỵ nạn cộng sản, với cờ vàng ba sọc đỏ, với văn hóa Sài Gòn chứ không mang căn cước cộng sản, với cờ đỏ sao vàng và văn hóa Hà Nội. Muốn có hòa hợp hòa giải, hay đúng hơn, muốn cho sự hòa giải hòa hợp thật sự có hiệu quả thì phải làm sao thay đổi cho được căn cước của người Việt Quốc Gia tỵ nạn Cộng Sản. Phải làm sao xóa bỏ căn cước tỵ nạn cộng sản, xóa bỏ cờ vàng ba sọc đỏ, xóa bỏ văn hóa Sài Gòn còn ở trong người họ đi, rồi tạo cho họ một căn cước mới với cờ đỏ sao vàng, với văn hóa Hà Nội và với tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ nghĩa xã hội. Chương trình bôi xóa cái cũ làm lại cái mới đó được gọi là “tái xây dựng” (reconstructing) diện mạo (hay căn cước) và quê hương trong những người Việt hải ngoại.

[Cách đây hơn năm năm, vào khoảng cuối năm 1998, các ông Nguyễn Bá Chung và tiến sĩ Bowen của Trung tâm Nghiên Cứu William Joiner Center trường đại học Massachusetts Boston (UMass Boston) có làm đề nghị xin tiền của cơ quan Rockefeller để thực hiện một công cuộc nghiên cứu mang tên “(Re)constructing Identity and Place in the Vietnamese Diaspora.” (Tái tạo căn cước và quê hương trong nhóm người Việt Nam lưu vong). Đây là một công cuộc nghiên cứu thuộc lãnh vực văn hóa và tâm lý xã hội (socio-cultural psychology) nhằm tìm hiểu identity (nhân dạng hay căn cước) của người Việt Nam hải ngoại để từ đó tìm biện pháp sửa đổi identity đó làm cho nó trở thành identity của một người Việt Nam giống như những người Việt Nam hiện đang sống trong xã hội Việt Nam dưới chế độ cộng sản. Những người đặt tên cho chương trình này có thể nghĩ rằng cái identity của người Việt tỵ nạn cộng sản là một identity sai lạc cần phải tái tạo lại cho đúng cũng như cho họ có cái nhìn đúng hơn về quê hương của họ ở đâu để họ biết đúng nơi chốn mà phụng sự tổ quốc. Đây là một tiến trình thay đổi hết sức quan trọng về phương diện tâm lý xã hội làm nền tảng cho những thay đổi khác trong thái độ chính trị của người Việt tỵ nạn đối với chế độ hiện tại ở Việt Nam. Trong lãnh vực khoa học nhân văn, khi tôi nói identity của tôi là tôi muốn nói đến những đặc tính tâm lý xã hội nào đó của tôi, và những đặc tính tâm lý xã hội đó cho phép tôi nhận ra tôi, khác với những người khác ở chỗ nào. Tôi tạm gọi nó là “căn cước tinh thần” của tôi. Nó cũng như cái thẻ căn cước, về phương diện vật chất của tôi, cho phép người ta nhận ra hình dáng của người mang thẻ là tôi vậy. Các nhà khoa học nhân văn nhận thấy mỗi người có cái identity (tinh thần) của mình, gồm một số những đặc tính văn hóa, xã hội, chính trị nào đó. Người Việt Nam cộng sản mang căn cước cộng sản, gắn liền với chủ thuyết Mác Lê, với vô sản chuyên chính, với tư tưởng Hồ Chí Minh, với chiến thắng Điện Biên Phủ, chiến thắng 1975. Họ được đồng hóa (identified) với một số những đặc tính văn hóa, xã hội, chính trị nào đó mà khi nhìn họ ta thấy họ mang nhãn hiệu cộng sản với bảng hiệu cờ đỏ sao vàng chẳng hạn. Ngược lại phần đông người Việt hải ngoại hiện nay mang những đặc tính văn hóa, xã hội, chính trị khác hơn người cộng sản. Họ mang identity (căn cước tinh thần) của người Việt Quốc Gia tỵ nạn cộng sản, với bảng hiệu Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ. Họ được đồng hóa với tự do, dân chủ, đa nguyên, đa văn hóa, tiến bộ, không chấp nhận chế độ cộng sản, và có thể triệt để chống Cộng Sản Hà Nội. Mục tiêu của chương trình nghiên cứu của UMass Boston là

giúp tìm giải pháp biến đổi căn cước tinh thần của người Quốc Gia làm cho nó trở thành căn cước của người Việt hải ngoại hội nhập vào xã hội Việt Nam hiện nay. Cái nhìn và hướng đi của những người đề ra chương trình này không khác cái nhìn và hướng đi của cộng sản Hà Nội trong chính sách hòa giải hòa hợp, đại đoàn kết quốc gia (theo đường hướng Cộng Sản) mà người cộng sản đã nghĩ tới từ lâu. Vì vậy nên ngay khi bắt đầu, Trung Tâm WJC đã tuyển ngay hai học giả cộng sản của Hà Nội vào làm công việc nghiên cứu này, và cũng vì thế mà một nhóm người Quốc Gia đã mạnh mẽ phản đối bằng cách khởi tố Trung Tâm WJC của trường đại học UMass về vụ này trong mấy năm qua.]

Trước chủ trương biến đổi căn cước người Việt Quốc Gia tỵ nạn cộng sản thành người Việt của xã hội chủ nghĩa, người Việt Quốc Gia không cộng sản ở hải ngoại cần phải làm gì? Câu trả lời là bảo vệ căn cước của mình và duy trì căn cước đó ở nơi con cháu mình, đừng để mất vào tay Cộng Sản Bắc Việt. Bảo vệ căn cước Quốc Gia không cộng sản của mình bằng cách:

Luôn luôn và luôn luôn:

Bảo vệ và nêu cao CỜ VÀNG BA SỌC ĐỎ

Bảo vệ và nêu cao danh xưng SÀI GÒN. Vì Sài Gòn là Thủ Đô của Miền Nam Tự Do, Sài Gòn là Thủ Đô văn hóa của người Việt Quốc Gia không cộng sản.

Xác nhận mình là người Việt tự do, tiến bộ, không chấp nhận độc tài đảng trị, không chấp nhận chủ nghĩa xã hội, nhất là không chấp nhận việc lấy công quyền làm lợi cho cá nhân, không chấp nhận bao che bè đảng để tham nhũng, làm giàu trên xương máu của đồng bào.

Nêu cao tinh thần tự do trong nghệ thuật, trong tư tưởng, tín ngưỡng, tôn giáo, trong truyền thông báo chí.

Ghi nhớ mình là người tỵ nạn cộng sản.

Đòi phải trả tên Sài Gòn lại cho thành phố Sài Gòn, trả tên trường Petrus Ký lại cho trường Petrus Ký, trả tên trường Gia Long lại cho trường Gia Long, trả tên trường Phan Thanh Giản lại cho trường Phan Thanh Giản, trả tên trường Lê Văn Duyệt lại cho trường Lê Văn Duyệt, v v . . .

Trước chánh sách hòa hợp hòa giải, trong kế hoạch kêu gọi người Việt quốc gia hải ngoại hãy quên đi chuyện cũ, để hướng đến tương lai dân tộc, hãy quên quá khứ chia rẽ thù hận để trở về quê hương đất nước góp phần xây dựng quốc gia, góp phần tân tiến/hiện đại hóa xã hội. . . chúng ta nghĩ thế nào và phải làm gì? Có lẽ, về phía người Việt ở hải ngoại, hầu hết những ai còn nghĩ đến quốc gia dân tộc đều nhận thấy là cần phải quên đi quá khứ mới có thể xây dựng tương lai cho xã hội Việt Nam được hữu hiệu. Nhưng có điều là thực tế làm cho sự muốn quên ở đây không dễ dàng thực hiện. Lý do là vì trong khi chánh quyền cộng sản Hà Nội kêu gọi hòa giải hòa hợp, kêu gọi quên chuyện cũ, thì chính chánh quyền Hà Nội lại không quên dĩ vãng (tự cho là) vẻ vang, không quên bản chất cộng sản (thật sự không còn mà chỉ là tư bản đỏ), không quên mục tiêu hướng đến chủ nghĩa xã hội (như một cách dùng danh từ vậy thôi), của họ mà chỉ đòi hỏi người Việt hải ngoại đơn phương quên đi quá khứ thôi. Đó là điều không thể chấp nhận được. Người Việt hải ngoại đọc những sách báo viết về

lịch sử, văn học, giáo dục, chính trị, v v . . . của cộng sản Hà Nội thấy đầy đầy những danh từ Mỹ, Ngụy, bác Hồ vĩ đại, tư tưởng Hồ Chí Minh, đánh ngả quy bọn Mỹ Ngụy, vùng bị tạm chiếm, vùng tự do, chiến thắng Điện Biên Phủ, v v . . . biểu hiện rõ ràng sự kỳ thị, phân biệt, chia rẽ, thể hiện tinh thần cố chấp, chật hẹp, độc đoán, thiên lệch cố hữu của người cộng sản. Như vậy mà biểu người ta quên là nghĩa làm sao? Người cộng sản hãy viết lại lịch sử cho đúng sự thật, đừng thù dệt, đừng bóp méo, đừng cố biện minh cho mục đích của mình. Người cộng sản hãy nhìn nhận cái dở của mình, cái sai lầm đã qua, đừng thổi phồng chiến thắng, đừng quá đề cao cái vinh quang của mình trong quá khứ, đừng phỉ báng những người có chủ trương chính trị khác mình, có đường lối yêu nước khác hơn mình. Trong khi người cộng sản vẫn còn giữ nguyên hình trạng cũ, vẫn còn ôm chặt căn cước cộng sản của họ thì người Việt hải ngoại đừng vội đơn phương quên chuyện cũ, đừng tự một mình mình làm công việc hòa hợp hòa giải với bên kia. Họ còn ôm chặt quá khứ là họ còn độc tài, độc đảng, còn kỳ thị, phân biệt, còn bao che, thiên lệch, thiếu công bằng và chân thật trong tinh thần hòa hợp. Người Việt hải ngoại đừng vội buông bỏ căn cước quốc gia của mình, đừng vội quên đi cờ vàng ba sọc đỏ, đừng quên hai tiếng Sài Gòn. Hãy hành diện với văn hóa tự do của Miền Nam mà Sài Gòn là biểu tượng. Chỉ có nền văn hóa đó mới tiếp cận được với văn hóa khoa học tân tiến của thế giới. Người cộng sản Bắc Việt muốn thật sự hiện đại hóa nước nhà thì phải học văn hóa Sài Gòn chứ không phải ngược lại.

Nguồn: http://www.dongnaicuulong.org/diaLy/diaLy_detail.php?diaLyId=20